TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 01 - 2026
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Mai Văn Thuận
Bà Trần Thị Mộng Tưởng
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang:*** *Không tham gia phiên tòa*

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2025 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh An Giang

Nơi cư trú: ấp Vinh Thuận, xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh An Giang

(Chị H, anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2025 nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn L trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 29/01/2010. Vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L quản lý chi tiêu khó khăn trong gia đình, mua bán gì cũng bắt chị phải kê khai. Bản thân vợ chồng sống chủ yếu làm ruộng không có thu nhập thêm, mỗi khi anh L đi nhậu về là chưởi bới chị. Vợ chồng cũng cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến tháng 2/2024 thì chị không thể chịu đựng được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống với nhau được nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh L; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T - sinh ngày 04/5/2010, Nguyễn Thị Mộng T1 - sinh ngày 07/10/2012, hiện 02 cháu đang ở với anh L, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn L đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Chị H và anh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị H và anh L.

[*2*]. *Về nội dung:*

{2.1} Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Tấn L trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/01/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, đã nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay. Nay chị H thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh L không thể tiếp tục duy trì được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh L. Tòa án

đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh L nhưng anh L không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị H thể hiện ý kiến cương quyết được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh L cũng đã cho nhau rất nhiều cơ hội để sửa chữa và hàn gắn mối quan hệ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2024 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân của chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

{2.2} Về con chung: Anh - chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Bích T - sinh ngày 04/5/2010, Nguyễn Thị Mộng T1 - sinh ngày 07/10/2012, 02 cháu hiện đang sống với anh L. Chị H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Tòa án đã giao thông báo cho anh L biết về việc chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung nhưng anh L không có ý kiến gì về việc này. Tại bản tự khai đề ngày 01/10/2025 các cháu Bích T, Mộng T1 có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì các cháu yêu cầu được ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa chị H và anh L hiện đang sống ly thân, các cháu Bích T, Mộng T1 hiện đang sống cùng với anh L nhưng các cháu có nguyện được sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 vợ chồng thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con nhưng chị H và anh L không thỏa thuận được với nhau nên xét theo nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Mặt khác, chị H cũng xác định đảm bảo đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con. Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Xử giao cháu Bích T, Mộng Tuyền cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002349 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích T - sinh ngày 04/5/2010, Nguyễn Thị Mộng T1 - sinh ngày 07/10/2012 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị H phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002349 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên

Nơi nhận
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực, tỉnh
- Phòng THADS;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.